

Số: 2823/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Chương trình hành động của Bộ Tài chính
nhiệm kỳ 2016- 2021**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng;
- Căn cứ Nghị quyết số 04 - NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ;
- Căn cứ Nghị quyết số 05 - NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế;
- Căn cứ Nghị quyết số 06 - NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới;
- Căn cứ Nghị quyết số 07 - NQ/TW của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững;
- Căn cứ Nghị quyết số 24/2016/QH14 của Quốc hội về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020;
- Căn cứ Nghị quyết số 25/2016/QH14 của Quốc hội về kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2016-2020;
- Căn cứ Nghị quyết 142/2016/QH13 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020;
- Căn cứ Nghị quyết số 100/NQ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn 2016 - 2021;

- Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Bộ Tài chính nhiệm kỳ 2016-2021.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ pháp chế và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài chính chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *KL*

Nơi nhận: *✓*

- Thủ tướng Chính phủ (để b/cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Công TTĐTBTC;
- Lưu: VT, PC.

BỘ TRƯỞNG

Đinh Tiến Dũng

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA BỘ TÀI CHÍNH
NHIỆM KỲ 2016-2021**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2823 /QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Thực hiện các nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các Nghị quyết của Quốc hội về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2016-2021, Bộ Tài chính ban hành Chương trình hành động của Bộ Tài chính nhiệm kỳ 2016-2021 với các nội dung chủ yếu sau:

**Phần thứ nhất
MỤC TIÊU, YÊU CẦU**

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phấn đấu hoàn thành các mục tiêu tài chính - ngân sách nhà nước (NSNN) giai đoạn 2017 - 2021 về hoàn thiện hệ thống thể chế tài chính; cơ cấu lại ngân sách nhà nước và quản lý nợ công theo hướng bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô; tăng cường huy động, quản lý, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển văn hoá, con người, bảo đảm an sinh xã hội, tăng cường phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế, góp phần nâng cao vị thế và uy tín của nước ta trong khu vực và trên thế giới.

2. Mục tiêu cụ thể

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật tài chính trên tất cả các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả phù hợp với yêu cầu thực tiễn đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của đất nước; Đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế tài chính, huy động, phân phối, quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính trong xã hội hiệu quả, công bằng theo các yêu cầu và định hướng phát triển kinh tế - xã hội đất nước; Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật.

- Tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 bình quân khoảng 20 - 21% GDP, phấn đấu tổng thu ngân sách bằng khoảng 1,65 lần giai đoạn 2011 - 2015. Trong tổng thu ngân sách nhà nước, tỉ trọng thu nội địa

khoảng 84 - 85%, tỉ trọng thu dầu thô và thu xuất nhập khẩu khoảng 14 - 16%; tỉ trọng thu ngân sách Trung ương 60 - 65%. Sau năm 2020, tỉ lệ huy động vào ngân sách nhà nước so với GDP được duy trì ở mức ổn định, hợp lý.

- Tỉ lệ chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 bình quân khoảng 24 - 25% GDP. Trong tổng chi ngân sách nhà nước, tỉ trọng chi đầu tư phát triển khoảng 25 - 26%; tỉ trọng chi thường xuyên dưới 64%; ưu tiên bảo đảm chi trả nợ, chi dự trữ quốc gia. Sau năm 2020, quy mô chi xác định phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, khả năng cân đối nguồn lực, bảo đảm an toàn nợ công.

- Giữ vững an ninh tài chính quốc gia; bảo đảm cân đối ngân sách tích cực, giảm dần tỉ lệ bội chi ngân sách nhà nước, đến năm 2020 xuống dưới 4% GDP, đến năm 2030 xuống khoảng 3% GDP, hướng tới cân bằng thu - chi ngân sách nhà nước. Quy mô nợ công hằng năm trong giai đoạn 2016 - 2020 không quá 65% GDP, nợ chính phủ không quá 55% GDP và nợ nước ngoài quốc gia không quá 50% GDP. Đến năm 2030, nợ công không quá 60% GDP, nợ chính phủ không quá 50% GDP, nợ nước ngoài của quốc gia không quá 45% GDP.

- Phân đầu quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt khoảng 70% GDP, dư nợ thị trường trái phiếu đạt 30% GDP vào năm 2020. Tăng tỷ trọng dư nợ trái phiếu Chính phủ đạt khoảng 22% GDP.

- Từng bước tăng cường tiềm lực dự trữ quốc gia đến năm 2020 đạt khoảng 1,5% GDP.

- Tiếp tục cải cách hành chính, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh; rút ngắn quy trình xử lý; giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính. Thường xuyên rà soát, bãi bỏ các thủ tục hành chính không còn phù hợp, bảo đảm hàng năm cắt giảm tối thiểu 10% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính. Phân đầu đến hết năm 2017, đạt mức trung bình của nhóm nước ASEAN 4 đối với 03 nhóm chỉ tiêu: hoàn thuế; quản lý rủi ro trong thanh tra, kiểm tra thuế; thời gian và kết quả xử lý khiếu nại về thuế; Giảm thời gian nộp thuế và bảo hiểm xã hội xuống dưới 168 giờ; Rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa qua biên giới tối đa là 70 giờ đối với hàng hóa xuất khẩu và 90 giờ đối với hàng hóa nhập khẩu. Đến năm 2020, thời gian nộp thuế tối đa là 110 giờ/năm; thời gian thông quan hàng hóa qua biên giới dưới 36 giờ đối với hàng hóa xuất khẩu, 41 giờ đối với hàng hóa nhập khẩu; 90% kim ngạch xuất nhập khẩu, 80% doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan điện tử; Tỷ lệ các giấy phép xuất nhập khẩu thực hiện trong cơ chế một cửa hải quan quốc gia đến 2020 là 90%; Bảo đảm mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức về thủ tục hành chính đạt trên 80%; Giữ vững và cải thiện chỉ số đánh giá cải cách hành chính của Bộ Tài chính trong топ các Bộ, ngành dẫn đầu.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng hành chính và dịch vụ công trực tuyến mức độ cao; Phân đầu đến năm 2020, 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đạt cấp độ 3-4; Áp dụng và thực hiện có hiệu quả

hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO tạo sự tác động tích cực trong quản lý hành chính nhà nước.

Kiến toàn tổ chức bộ máy quản lý của ngành đảm bảo thống nhất, phân định rõ chức năng nhiệm vụ và quyền hạn giữa các cấp chính quyền, các cơ quan tài chính. Xây dựng bộ máy hiện đại, hiệu quả và hiệu lực, đáp ứng yêu cầu là bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng cơ bản yêu cầu về số lượng và chất lượng, có cơ cấu hợp lý, trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

II. YÊU CẦU

Chương trình hành động của Bộ Tài chính nhiệm kỳ 2016 - 2021 phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Bám đảm thực hiện các chủ trương, định hướng của Đảng, Quốc hội và Chính phủ tại Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 05-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế; Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững; Nghị quyết số 04 - NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ; Nghị quyết số 06 - NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; Nghị quyết số 24/2016/QH14 về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 25/2016/QH14 về kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết 142/2016/QH13 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020; Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 22/7/2016 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng; Nghị quyết số 100/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2016 - 2021.

2. Bảo đảm cụ thể, khả thi và có kết quả rõ ràng hướng tới hoàn thành các nhiệm vụ chủ yếu cần tập trung chỉ đạo, điều hành có liên quan đến Bộ Tài chính được giao tại Nghị quyết số 100/NQ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2016 - 2021.

3. Quy định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, người đứng đầu trong tổ chức triển khai thực hiện.

4. Quy định rõ chế độ báo cáo, cơ chế kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện, bảo đảm thực hiện đúng tiến độ và xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CẦN TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

I. XÂY DỰNG BỘ MÁY TINH GỌN, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ; ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐỦ NĂNG LỰC, CẦN, KIỀM, LIÊM CHÍNH

1. Kiện toàn tổ chức bộ máy

Kiện toàn bộ máy tổ chức của Bộ Tài chính theo hướng tinh gọn, trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu hiện đại hoá, cải cách hành chính, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, kinh doanh và hội nhập quốc tế. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Tập trung rà soát, xây dựng phương án sắp xếp, tổ chức theo hướng tập trung đầu mối theo lĩnh vực, thực hiện chuyên môn hóa, tránh chồng chéo, đảm bảo sự thống nhất về đầu mối quản lý, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế gắn với cải cách công vụ, công chức. Loại bỏ các chức năng, nhiệm vụ không phù hợp với quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường, giảm thiểu can thiệp bằng mệnh lệnh hành chính. Rà soát quy trình, quy chế làm việc; phân công, phân cấp, khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm. Phát huy dân chủ gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương.

Kiện toàn tổ chức, bộ máy cơ quan tài chính từ Trung ương đến địa phương theo hướng chuyển từ điều hành tác nghiệp sang hoạch định chính sách vĩ mô, thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động.

Tham mưu, đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương những nhiệm vụ, giải pháp nhằm tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

2. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức ngành Tài chính theo hướng “Chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu quả”

- Tạo sự chuyển biến cơ bản về chất lượng đội ngũ công chức, viên chức, nhất là về kỹ năng và hiệu quả tổ chức thực thi công vụ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức ngành Tài chính có phẩm chất đạo đức, năng lực công tác, tinh thần trách nhiệm và tính chuyên nghiệp cao; nâng cao tính kỷ cương, kỷ luật và ý thức, trách nhiệm của công chức, viên chức trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Chú trọng giáo dục phẩm chất đạo đức và trách nhiệm công vụ; làm rõ quyền hạn và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Các thủ trưởng đơn vị nêu cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường phối hợp trong công tác thường xuyên nắm bắt thông tin, chủ động xử lý những vấn đề đột xuất phát sinh và những vấn đề mà dư luận xã hội quan tâm.

- Đổi mới, cải tiến mạnh mẽ lề lối làm việc bằng những việc làm cụ thể, có tính đột phá, tạo chuyển biến và hiệu quả rõ rệt trong công tác quản lý nhà nước. Đổi mới công tác đánh giá cán bộ, công chức; lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ làm căn cứ để đánh giá và thực hiện chính sách cán bộ.

3. Nghiên cứu đổi mới quản lý trong tuyển dụng, đào tạo, đào tạo lại, sử dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân phiên, luân chuyển cán bộ, công chức nhằm phân công đúng người đúng việc, tạo môi trường công tác tốt để phát huy năng lực sở trường của các bộ, công chức.

4. Triển khai thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các chủ trương, chính sách, các giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tập trung vào các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực. Thực hiện kê khai trung thực, chính xác, đầy đủ tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo quản lý. Xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức, cơ quan đơn vị trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

5. Làm tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tập trung chỉ đạo và xử lý nghiêm, đúng pháp luật hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, vi phạm pháp luật; hành vi lợi dụng chống tham nhũng để vu khống, tố cáo sai sự thật. Động viên, khen thưởng, bảo vệ người tố cáo và tố giác hành vi tham nhũng, lãng phí.

II. TẬP TRUNG THỰC HIỆN TỐT CÁC GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THÀNH THẮNG LỢI CÁC MỤC TIÊU TÀI CHÍNH, NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NHIỆM KỲ 2016 - 2021

1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về tài chính

1.1. Tập trung chỉ đạo xây dựng và nghiên cứu các đề án, cơ chế chính sách trọng tâm, đảm bảo hoàn thành đúng thời hạn với chất lượng tốt.

1.2. Nghiên cứu, hoàn thiện thể chế, chính sách về thu theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới, tăng tỷ trọng thu nội địa từ các sắc thuế gián thu, thuế trực thu, thuế tài sản, thuế tài nguyên, thuế bảo vệ môi trường; hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong các sắc thuế và chính sách miễn, giảm, giãn thuế, góp phần tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, khuyến khích đầu tư, điều tiết thu nhập hợp lý và từng bước phù hợp với thông lệ quốc tế. Cụ thể như sau:

(1) Đối với Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT): Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung theo hướng giảm bớt nhóm hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT, đối tượng chịu thuế suất 5%; điều chỉnh mức thuế suất đảm bảo tương đồng với mức thuế suất của một số nước; hoàn thiện phương pháp tính toán, tiến tới cơ bản thực hiện phương pháp khấu trừ; bổ sung quy định không khấu trừ thuế đối với một số hàng hóa, dịch vụ không phân định được là tiêu dùng cho sản xuất kinh doanh hay tiêu dùng cho cá nhân phù hợp với thông lệ quốc tế.

(2) Đối với Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB): Triển khai thực hiện tốt Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TTĐB để điều tiết tiêu dùng phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu - nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa; Nghiên cứu sửa đổi đối tượng chịu thuế TTĐB như bỏ các mặt hàng bài lá, vàng mã ra khỏi đối tượng chịu thuế; Nghiên cứu bổ sung vào đối tượng chịu thuế TTĐB đối với những hàng hóa cần

hạn chế sản xuất, tiêu dùng để đảm bảo số thu NSNN; điều chỉnh thuế suất đối với thuốc lá, rượu, bia, kinh doanh vũ trường, casino... áp dụng kết hợp giữa thuế suất theo tỷ lệ và thuế suất tuyệt đối đối với một số hàng hoá, dịch vụ chịu thuế.

(3) Đối với thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu: Thực hiện lộ trình điều chỉnh các mức thuế xuất khẩu, nhập khẩu theo cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên tham gia; Thực hiện lộ trình giảm thuế theo các FTA đã ký kết; Cơ cấu lại Biểu thuế xuất khẩu nhằm khuyến khích sản xuất, xuất khẩu các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, hạn chế xuất khẩu khoáng sản tài nguyên chưa qua chế biến; bảo hộ hợp lý, có thời hạn, phù hợp với thông lệ quốc tế đối với một số hàng hóa sản xuất trong nước; Thu gọn số lượng mức thuế suất, từng bước đơn giản biểu thuế, mã số hàng hóa, góp phần thực hiện cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; Sửa đổi quy định về phương pháp tính thuế (bao gồm cả phương pháp tính thuế hỗn hợp, kết hợp thuế suất theo tỷ lệ phần trăm và thuế tuyệt đối); Nghiên cứu định hướng về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu trong đàm phán các FTA mới, xác định cụ thể những mặt hàng đưa vào danh mục xoá bỏ thuế ngay và những mặt hàng đưa vào danh mục xoá bỏ thuế có lộ trình cho phù hợp.

(4) Đối với Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN): Đánh giá tổng thể hiệu quả các chính sách ưu đãi thuế TNDN để sửa đổi, bổ sung chính sách đảm bảo phù hợp thực tế, bao quát các trường hợp mới phát sinh như thương mại điện tử, sự phát triển của các tập đoàn kinh tế, hiện tượng “vốn mòng” khi xác định chi phí, phương pháp tính thuế đối với chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nước ngoài; Rà soát điều chỉnh ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho phù hợp thực tế, yêu cầu phát triển, giảm những ưu đãi ở vùng đã hết khó khăn do được đầu tư cơ sở hạ tầng tốt, tiếp tục khuyến khích đầu tư vào ngành sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng lớn, doanh nghiệp nhỏ và vừa, các ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghệ cao, công nghệ sinh học, dịch vụ chất lượng cao, lĩnh vực xã hội hóa, công nghệ thông tin, doanh nghiệp khoa học công nghệ, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch vùng miền, phù hợp thông lệ quốc tế và cam kết quốc tế.

(5) Đối với Luật thuế thu nhập cá nhân (TNCN): Nghiên cứu đề xuất các chính sách cần thiết phải sửa đổi, bổ sung theo hướng đơn giản, phù hợp với thông lệ quốc tế, khuyến khích mọi cá nhân tiếp tục lao động, sản xuất, kinh doanh làm giàu chính đáng, nâng cao tính tuân thủ pháp luật của người nộp thuế, đảm bảo dễ hiểu, dễ thực hiện trong thực tế; Sửa đổi, bổ sung về chính sách thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công về cơ sở tính thuế theo hướng điều chỉnh thuế suất một cách hợp lý, bổ sung các khoản thu nhập được miễn thuế, thu nhập chịu thuế, miễn, giảm thuế TNCN phù hợp với xu hướng phát triển của kinh tế thị trường và mở rộng hội nhập quốc tế.

(6) Đối với Luật thuế tài nguyên: Sửa đổi, bổ sung Luật Thuế tài nguyên về giá tính thuế, thuế suất và thực hiện phương pháp quản lý thu cho phù hợp

với thực tiễn hoạt động khai thác tài nguyên theo từng giai đoạn đảm bảo sự đồng bộ với các khoản thu khác, hài hoà lợi ích giữa nhà nước và doanh nghiệp khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường; Ban hành Biểu mức thuế suất thuế tài nguyên nhằm thúc đẩy khai thác tài nguyên gắn liền với chế biến sâu, hạn chế tối đa xuất khẩu tài nguyên chưa qua chế biến; khuyến khích sử dụng sản phẩm thay thế tài nguyên thiên nhiên nhằm góp phần bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác tài nguyên.

(7) Đối với thuế sử dụng đất nông nghiệp và Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về việc miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp giai đoạn 2011-2020 và Nghị quyết số 26/2016/NQ14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp; Tiếp tục nghiên cứu miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đến hết 31/12/2020 đối với một số trường hợp; Đánh giá 5 năm triển khai thực hiện Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp nhằm tiếp tục hoàn thiện theo hướng phù hợp với các thông lệ quốc tế và bối cảnh của Việt Nam; Kịp thời có những hướng dẫn, điều chỉnh nhằm khuyến khích sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai, ưu đãi đối với những vùng khó khăn, vùng nông thôn; Điều tiết đối với những trường hợp sử dụng đất diện tích lớn không hợp lý, những trường hợp có tính chất đầu cơ.

(8) Nghiên cứu, xây dựng Luật Thuế tài sản bảo đảm phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, phù hợp với thông lệ quốc tế theo hướng tăng điều tiết đối với đất và bổ sung thu thuế đối với nhà và các tài sản có giá trị khác nhằm khuyến khích sử dụng hiệu quả, hạn chế đầu cơ đất đai, nhà ở, góp phần thúc đẩy phát triển lành mạnh thị trường bất động sản, đảm bảo động viên nguồn thu hợp lý, ổn định cho ngân sách nhà nước.

(9) Đối với Luật thuế bảo vệ môi trường: Sửa đổi, bổ sung để đảm bảo phù hợp với chính sách phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ; mở rộng đối tượng chịu thuế và rà soát điều chỉnh khung thuế suất để góp phần điều chỉnh hành vi của xã hội, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và tăng nguồn thu cho mục tiêu bảo vệ môi trường.

(10) Nghiên cứu ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung chính sách thu ngân sách nhà nước liên quan đến hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên đảm bảo thống nhất, phù hợp với sửa đổi, bổ sung của Luật Dầu khí, Luật Tài nguyên nước, Luật Khoáng sản, Luật Bảo vệ và phát triển rừng... với mục đích khuyến khích sử dụng tài nguyên có khả năng tái tạo, hạn chế, điều tiết hợp lý việc khai thác, sử dụng tài nguyên không tái tạo; Khuyến khích sử dụng sản phẩm thay thế tài nguyên thiên nhiên nhằm góp phần bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác tài nguyên và góp phần tăng thu ngân sách nhà nước.

(11) Nghiên cứu ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung chính sách đối với các khoản thu từ đất: Triển khai thực hiện tốt các Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật Đất đai (sửa đổi), bao gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Khuyến khích sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả; Đảm bảo ổn định và phát triển nguồn thu NSNN; Đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Nhà nước với người sử dụng đất; Điều tiết đối với những trường hợp sử dụng đất diện tích lớn, có tính chất đầu cơ; Xây dựng Quỹ phát triển hạ tầng cơ sở nhằm huy động nguồn lực tài chính từ quỹ đất của các địa phương, tạo điều kiện cho các địa phương có được các nguồn lực cần thiết cho việc đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở trên địa bàn; Bán quyền thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng giao thông đối với những công trình có khả năng và điều kiện thu thuận lợi; Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông; Chuyển nhượng có thời hạn kết cấu hạ tầng giao thông; Khai thác quỹ đất hai bên đường để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông; Góp phần thực hiện chính sách quy hoạch của Nhà nước, đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khuyến khích đầu tư vào các địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực xã hội hoá.

(12) Triển khai thực hiện Luật phí và lệ phí và hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành luật: đảm bảo công khai, minh bạch trong công tác thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí. Tăng cường quản lý nhà nước đối với phí, lệ phí. Thực hiện có lộ trình việc xóa bỏ bao cấp qua giá, phí dịch vụ nhằm tăng tính cạnh tranh và đảm bảo lợi ích của các đơn vị cung ứng dịch vụ sự nghiệp công. Khuyến khích xã hội hóa hoạt động cung cấp dịch vụ công, nâng cao chất lượng, giảm giá thành dịch vụ, giảm khối lượng công việc cho cơ quan nhà nước.

(13) Đối với Luật quản lý thuế: Sửa đổi, bổ sung các quy định về thể chế quản lý thuế nhằm triển khai thực hiện thuế điện tử đối với doanh nghiệp và cá nhân; đơn giản thủ tục hành chính thuế tạo thuận lợi cho người nộp thuế tự nguyện tuân thủ pháp luật về thuế, giảm bớt chi phí xã hội trong quản lý thuế, nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan thuế; Sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách quản lý đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế theo hướng mở rộng đối tượng được kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế là cá nhân; Từng bước xã hội hóa hoạt động quản lý đối với đại lý thuế, nhân viên đại lý thuế cho các tổ chức, hội nghề nghiệp, gồm: Đẩy mạnh việc xã hội hoá hoạt động hỗ trợ người nộp thuế tạo tiền đề nhằm tăng dần số lượng đại lý thuế và nâng cao chất lượng dịch vụ do đại lý thuế cung cấp; mở rộng, đa dạng hoá dịch vụ của đại lý thuế; Xây dựng hệ thống đại lý thuế thực sự trở thành cầu nối giữa cơ quan thuế và người nộp thuế; Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế tuân thủ pháp luật thuế; Giảm chi phí về thời gian, nguồn lực cho cả cơ quan thuế và người nộp thuế thực thi pháp luật thuế góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế. Sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách quản lý đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế khoán, khuyến khích cá nhân kinh doanh có quy mô, doanh thu kinh doanh lớn, cá nhân kinh doanh ngành nghề đặc thù xác định được doanh thu theo thực tế kinh doanh sẽ nộp thuế theo doanh thu thực tế phát sinh hoặc chuyển thành doanh nghiệp thành lập doanh nghiệp để nộp thuế theo kê khai; Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý đối với giá chuyển

nhượng (chống chuyển giá) nhằm ngăn chặn các doanh nghiệp lợi dụng sự khác biệt trong chế độ thuế giữa các quốc gia/vùng lãnh thổ (hoặc sự khác biệt trong ưu đãi thuế giữa các khu vực trong cùng một quốc gia) để thiết lập các giao dịch liên kết không tuân theo nguyên tắc giá thị trường (nguyên tắc giao dịch độc lập) để chuyển giá, tránh thuế thu nhập doanh nghiệp; Xây dựng, hoàn thiện quy định về hoá đơn điện tử, hoá đơn điện tử có mã xác thực đồng bộ, tạo thuận lợi cho người nộp thuế, giảm thiểu chi phí phát hành, quản lý và sử dụng hoá đơn.

(14) Nghiên cứu, hoàn thiện chính sách về quản lý ngân sách theo hướng an toàn và có hiệu quả; Chỉ ban hành các chính sách làm tăng chi NSNN khi thật sự cần thiết và có nguồn kinh phí đảm bảo; Gắn kết quản lý quỹ NSNN với quy trình quản lý từ khâu lập dự toán phân bổ, chấp hành, kế toán, kiểm toán và quyết toán ngân sách.

(15) Hoàn thiện cơ chế, quy trình quản lý, kiểm soát, thanh toán các khoản chi NSNN qua Kho bạc Nhà nước.

(16) Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật quản lý nợ công, đặc biệt là các quy định về chính sách, công cụ, bộ máy quản lý nợ công bảo đảm đúng quy định của Hiến pháp để kiểm soát toàn diện rủi ro và hiệu quả nợ công; điều chỉnh phạm vi nợ công phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế; nâng cao hiệu quả sử dụng nợ công, đảm bảo an ninh tài chính, tăng cường công tác giám sát, quản lý rủi ro và đảm bảo an toàn về nợ công; gắn trách nhiệm sử dụng và đảm bảo hiệu quả vốn vay, trách nhiệm trả nợ đến các Bộ, ngành, địa phương và các chủ dự án, tăng cường trách nhiệm của cơ quan cho vay lại.

(17) Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công và phân loại danh mục dịch vụ sự nghiệp công theo hướng đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong khu vực hành chính và sự nghiệp công; đối với loại dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, Nhà nước ban hành danh mục, quy định lộ trình tính giá dịch vụ phù hợp với khả năng của NSNN và thu nhập của người dân; đối với loại dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng kinh phí NSNN, đơn vị tự xác định giá dịch vụ theo nguyên tắc thị trường, Nhà nước sẽ hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng chính sách phù hợp với lộ trình giá dịch vụ sự nghiệp công.

(18) Hoàn thiện khung khổ pháp lý đối với hoạt động của các ngân hàng chính sách theo hướng tín dụng chính sách phải phù hợp với nguồn lực tài chính Nhà nước; tín dụng hợp tác xã theo hướng chủ sở hữu tự quyết định tài chính nhà nước không tham gia.

(19) Sửa đổi bổ sung Luật Chứng khoán và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn Luật Chứng khoán nhằm tiếp tục thúc đẩy thị trường chứng khoán phát triển lành mạnh, hiệu quả theo các mục tiêu, định hướng, tăng hiệu quả huy động vốn cho đầu tư phát triển, liên kết thị trường chứng khoán Việt Nam với thị trường chứng khoán các nước trong khu vực và giải pháp đặt ra trong Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2020.

(20) Nghiên cứu, sửa đổi bổ sung Luật Kinh doanh bảo hiểm theo hướng tiếp tục đẩy mạnh phát triển thị trường bảo hiểm toàn diện, lành mạnh, an toàn, hiệu quả, bền vững.

(21) Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý đối với các lĩnh vực kinh doanh đặt cược, casino, trò chơi có thưởng nhằm thống nhất quản lý thị trường trò chơi có thưởng; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh và bảo vệ lợi ích hợp pháp của người chơi.

(22) Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về kế toán, kiểm toán, hệ thống chuẩn mực, phương pháp nghiệp vụ phù hợp với nền kinh tế thị trường đang phát triển của Việt Nam, phù hợp và tiếp cận với thông lệ quốc tế theo hướng cập nhật, hoàn thiện và bổ sung hệ thống chuẩn mực kế toán doanh nghiệp; Cập nhật và hoàn thiện toàn bộ hệ thống chuẩn mực kiểm toán độc lập; Xây dựng Hệ thống chuẩn mực kế toán công tại Việt Nam. Xây dựng khuôn khổ pháp lý và các điều kiện cần thiết để thực hiện chức năng Kế toán Nhà nước.

(23) Sửa đổi, hoàn thiện hệ thống pháp luật tài chính đối với doanh nghiệp, tập trung vào việc tháo gỡ các rào cản, vướng mắc về chính sách thuế, hải quan, chế độ kế toán, kiểm toán nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, bảo đảm quyền tự do kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Rà soát, bổ sung và thực hiện có hiệu quả các chính sách ưu đãi về thuế, tài chính cho doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp; phát triển công nghiệp hỗ trợ; đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn.

(24) Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đối với DNNN, bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, minh bạch giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện cổ phần hóa DNNN phù hợp với tình hình thực tiễn. Nghiên cứu bổ sung, sửa đổi các cơ chế, chính sách về sắp xếp, đổi mới, tái cơ cấu DNNN để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; nâng cao hiệu quả và ngăn ngừa thất thoát vốn, tài sản nhà nước. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách về tổ chức, quản lý, giám sát đối với hoạt động của DNNN phù hợp với vị trí, vai trò; vừa đảm bảo tính tự chủ của DNNN vừa đáp ứng yêu cầu quản lý của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

(25) Tập trung hoàn thành việc xây dựng và hướng dẫn thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, đảm bảo tiến độ, chất lượng; phù hợp với Hiến pháp năm 2013, thống nhất, đồng bộ với các Luật có liên quan. Xây dựng những nguyên tắc chung nhất trong quản lý, sử dụng tài sản công; đổi mới phương thức quản lý, sử dụng tài sản công theo hướng nắm chắc, phản ánh đầy đủ tài sản công cả về giá trị và hiện vật...; quản lý tài sản bằng các công cụ hiện đại, hiệu quả; thực hiện công khai rộng rãi và minh bạch về tài sản, góp phần chống lãng phí, tiêu cực; phát triển dịch vụ tài sản công theo cơ chế thị trường trên cơ sở đảm bảo quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

(26) Sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về dự trữ nhà nước đồng bộ phù hợp với yêu cầu, điều kiện và tình hình nhiệm vụ mới.

2. Đẩy mạnh tái cấu trúc và đảm bảo cân đối ngân sách nhà nước

2.1. Phân bổ ngân sách nhà nước

- Tập trung cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước, tăng cường quản lý nợ công, bảo đảm an toàn và bền vững nền tài chính quốc gia. Thực hiện nghiêm nguyên tắc vay bù đắp bội chi ngân sách nhà nước chỉ được sử dụng cho đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên; cải thiện cân đối ngân sách nhà nước, từng bước tăng tích lũy cho đầu tư phát triển và trả nợ vay. Xây dựng và triển khai kế hoạch tài chính trung hạn gắn với chiến lược quản lý nợ công, kiểm soát bội chi ngân sách và kế hoạch đầu tư công trong cùng thời kỳ.

- Xây dựng kế hoạch và lập dự toán ngân sách nhà nước trung hạn và dài hạn; phân bổ, cân đối ngân sách nhà nước tích cực; giảm bội chi ngân sách và quản lý chi tiêu công hiệu quả. Nghiên cứu đổi mới hoạt động lập và phân bổ dự toán NSNN, hướng tới phân bổ ngân sách theo trung hạn, gắn với kết quả hoạt động; Thực hiện đổi mới quy trình ngân sách, áp dụng ngân sách trung hạn và thực hiện phân bổ ngân sách theo các ưu tiên chiến lược; Đẩy mạnh cơ cấu lại chi NSNN theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư hợp lý, giảm tỷ trọng chi thường xuyên gắn với đổi mới mạnh mẽ khu vực dịch vụ sự nghiệp công lập; Rà soát lại phạm vi chi NSNN và các chế độ chính sách để tránh chồng chéo, trùng lặp; Nâng cao chất lượng công tác phân tích dự báo tài chính - ngân sách. Tăng cường công tác công khai, minh bạch tài chính - ngân sách nhà nước, mở rộng phạm vi và hình thức công khai; công khai minh bạch gắn với trách nhiệm giải trình.

- Thắt chặt kỷ luật, kỷ cương NSNN và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị về tuân thủ pháp luật tài chính - ngân sách, thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình. Quyết liệt thực hiện nguyên tắc ban hành các chính sách mới làm tăng chi NSNN phải căn cứ khả năng nguồn lực; thực hiện thu chi trong phạm vi dự toán, giải ngân vốn ODA theo đúng kế hoạch; hạn chế tối đa việc đề xuất ứng trước dự toán, chuyển nguồn; không thực hiện chuyển đổi cơ chế từ cho vay lại sang NSNN đầu tư trực tiếp đối với các dự án đầu tư sử dụng vốn vay kém hiệu quả; nâng cao trách nhiệm của người sử dụng vốn vay và hiệu quả sử dụng vốn. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm toán; đẩy mạnh công khai, minh bạch NSNN và nợ công.

- Đảm bảo vai trò chủ đạo và điều phối của NSTW, đồng thời tạo điều kiện chủ động cho các địa phương trong quản lý, sử dụng nguồn lực được phân cấp. Tăng quyền hạn và trách nhiệm trong công tác lập, quản lý, sử dụng NSNN ở các cấp, các đơn vị sử dụng ngân sách cùng với việc thúc đẩy minh bạch, công khai ngân sách và trách nhiệm giải trình tài chính; từng bước thực hiện quản lý

ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ; thực hiện công tác thống kê ngân sách theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế.

- Phân bổ chi đầu tư phát triển từ NSNN tập trung, theo cam kết bố trí dự toán chi NSNN cho chương trình, dự án để nâng cao vai trò định hướng trong đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời thúc đẩy mạnh mẽ các hình thức đầu tư ngoài NSNN để tăng nguồn lực đầu tư toàn xã hội, nâng cao chất lượng và hiệu quả đầu tư. Tăng chi NSNN kết hợp với quản lý sử dụng, hiệu quả nguồn lực dự trữ quốc gia để đáp ứng mục tiêu của dự trữ quốc gia và các nhiệm vụ khác được Thủ tướng Chính phủ giao.

- Tăng cường dự phòng, dự trữ tài chính, chi dự trữ quốc gia.

2.2. Cơ cấu lại chi thường xuyên

- Triển khai thực hiện quản lý tài chính - NSNN trung hạn làm cơ sở xây dựng dự toán NSNN hàng năm; Đẩy mạnh cơ chế khoán chi vừa tạo chủ động cho thủ trưởng đơn vị, vừa đáp ứng yêu cầu tiết kiệm, hiệu quả; từng bước thực hiện quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ song song với việc tăng cường quản lý chuẩn mực, chất lượng dịch vụ và gắn với việc thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị sử dụng NSNN; kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi chuyển nguồn, chi từ nguồn dự phòng NSNN theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015

- Phân định rõ nội dung, phạm vi của Nhà nước và thị trường; rà soát lại phạm vi chi NSNN, dừng một số chính sách chi thường xuyên, đầu tư chưa cấp bách, hiệu quả thấp; trong đó dự kiến bố trí nguồn để điều chỉnh mức lương cơ sở, lương hưu, trợ cấp ưu đãi người có công tăng khoảng 7-8%/năm; triển khai thực hiện quản lý tài chính - ngân sách trung hạn (kế hoạch tài chính và đầu tư công trung hạn).

2.3. Cơ cấu lại chi đầu tư

- Nâng cao vai trò vốn định hướng của nguồn lực tài chính nhà nước trong phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời thu hút mạnh mẽ sự tham gia đầu tư của khu vực tư nhân, đảm bảo việc phân bổ nguồn lực được định hướng vào các mục tiêu kinh tế - xã hội trong trung hạn và dài hạn, đồng thời khắc phục có kết quả tình trạng dàn trải trong phân bổ nguồn lực; tạo cơ chế tài chính để các địa phương thu hút các nguồn lực cho phát triển phù hợp với quy hoạch, tiềm lực và đặc điểm của từng địa phương.

- Từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng hợp lý tỉ trọng chi đầu tư, triệt để tiết kiệm chống lãng phí, sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công. Tập trung nguồn lực đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn; Tăng tỷ trọng vốn đầu tư hợp lý cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, góp phần từng bước đưa nông nghiệp thành sản xuất hàng hóa lớn.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả đầu tư công. Tập trung nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư các công trình trọng điểm, có sức lan toả lớn và giải quyết các vấn đề phát triển của quốc gia, vùng và liên vùng, tạo thuận lợi thu hút đầu tư tư nhân, đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Tổ chức thực hiện các giải pháp về huy động nguồn lực, quản lý, thanh toán, quyết toán nhằm thực hiện có hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 26/2016/QH14 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.

- Tái cấu trúc và đảm bảo hiệu quả đầu tư công từ nguồn vốn ngân sách nhà nước. Quy định cơ chế quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công theo hướng toàn diện, minh bạch và hiệu quả. Tăng cường công tác theo dõi, kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Tiếp tục cải cách công tác kiểm soát chi NSNN theo hướng thống nhất quy trình, tập trung đầu mối kiểm soát và thanh toán các khoản chi NSNN gắn với việc phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước và đơn vị sử dụng NSNN; tiếp tục triển khai và hoàn thiện cơ chế quản lý, kiểm soát cam kết chi phù hợp với các quy định về quản lý kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Ngân sách nhà nước; khắc phục tình trạng nợ đọng trong thanh toán xây dựng cơ bản.

3. Tăng cường quản lý và cơ cấu lại nợ công

- Tiếp tục tái cơ cấu nợ công. Đẩy mạnh thực hiện các biện pháp xử lý rủi ro tỷ giá, lãi suất, thanh khoản, tái cấp vốn và tín dụng nhằm tối ưu hóa cơ cấu nợ công với chi phí hợp lý, đảm bảo nghĩa vụ trả nợ và nâng cao hiệu quả quản lý nợ công. Tăng cường huy động nguồn lực trong nước để đáp ứng nhu cầu vay của Chính phủ nhằm giảm rủi ro tỷ giá. Triển khai nghiệp vụ mua lại nợ, hoán đổi nợ nhằm kéo dài kỳ hạn nợ, cơ cấu lại các khoản nợ ngắn hạn, hạn chế rủi ro tái cấp vốn, giảm áp lực nghĩa vụ trả nợ của Chính phủ phát sinh cao tại một thời điểm.

- Kiểm soát nợ công, bao gồm cả nợ chính quyền địa phương trong giới hạn Quốc hội cho phép, bảo đảm dự phòng cho các rủi ro tiềm ẩn. Xác định rõ mức bội chi NSNN và lộ trình cắt giảm bội chi trong trung hạn và dài hạn, bao gồm cả giá trị tuyệt đối và tỷ lệ so với GDP. Xây dựng kế hoạch vay, trả nợ công đảm bảo dự phòng rủi ro cho các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn để đảm bảo các chỉ tiêu nợ trong giới hạn cho phép. Xây dựng Kế hoạch vay và sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi sát thực tế. Thực hiện nguyên tắc, chỉ vay theo khả năng trả nợ. Kiểm soát chặt chẽ việc vay mới từ khâu phê duyệt chủ trương, chỉ thực hiện sau khi đã đánh giá đầy đủ tác động lên quy mô nợ công và khả năng trả nợ trong trung và dài hạn. Cân đối, bố trí đầy đủ nguồn để trả nợ đầy đủ, đúng hạn các khoản gốc, lãi của Chính phủ. Hạn chế tối đa việc cấp mới bảo lãnh Chính phủ cho các khoản vay trong nước và nước ngoài.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng nợ công. Xác định rõ mục đích, chủ trương cho các chương trình, dự án đầu tư có sử dụng vốn vay nợ công; từng bước giảm dần tỷ trọng vay nợ công, chỉ tập trung đầu tư vào các dự án lớn về kết cấu hạ tầng. Không chuyển vốn vay, bảo lãnh Chính phủ thành vốn cấp phát NSNN; không sử dụng nợ công để tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, bảo đảm hiệu quả đầu tư, chất lượng công trình và theo đúng quy định của pháp luật; Hạn chế tối đa việc điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư bằng nguồn vốn vay; tăng cường nhận thức về nợ công; chủ động ngăn ngừa và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí.

- Thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu nợ, dự báo, phân tích, đánh giá và đưa ra cảnh báo mức độ rủi ro đối với danh mục nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia. Chủ động đề xuất phương án xử lý đối với các rủi ro tiềm ẩn của danh mục nợ.

4. Đẩy mạnh đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công

- Thực hiện quyết liệt, đồng bộ các cơ chế, chính sách liên quan đến việc đổi mới cơ chế tài chính các đơn vị sự nghiệp công, thúc đẩy lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công theo đúng quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

- Tăng cường phân cấp và tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, trong sử dụng nguồn nhân lực và nguồn lực tài chính gắn với yêu cầu nâng cao trách nhiệm giải trình về kết quả của các đơn vị cung ứng dịch vụ sự nghiệp công. Cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công, giao quyền tự chủ phù hợp, nâng cao năng lực quản trị, hiệu quả hoạt động đồng bộ cả về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính.

- Đẩy nhanh tiến độ xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp, làm cơ sở cho các đơn vị đủ điều kiện được sử dụng tài sản vào các mục đích kinh doanh dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, khai thác nguồn lực tài sản sẵn có gắn với huy động các nguồn lực của xã hội, tăng khả năng tự chủ của đơn vị, giảm bao cấp trực tiếp từ NSNN.

- Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng trong việc cung cấp dịch vụ giữa các đơn vị, tổ chức thuộc thành phần kinh tế khác nhau. Hình thành các cơ chế phù hợp để nâng cao tính định hướng của NSNN trong việc thu hút các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước vào việc phát triển các lĩnh vực sự nghiệp công, nhất là sự nghiệp giáo dục đào tạo, y tế, sự nghiệp môi trường, nghiên cứu khoa học và văn hoá xã hội.

- Đổi mới chính sách và cơ cấu lại các nội dung hỗ trợ chi thường xuyên từ NSNN theo hướng có trọng tâm trọng điểm, không hỗ trợ bình quân dàn trải tất cả các cơ sở cung ứng dịch vụ sự nghiệp công và đối tượng thụ hưởng dịch vụ; chuyển đổi từ hình thức giao dự toán ngân sách sang hình thức đặt hàng, đấu

thầu theo đơn giá, gắn với nghiệm thu sản phẩm đầu ra; nâng cao tính cạnh tranh của các đơn vị sự nghiệp.

- Giảm chi thường xuyên NSNN trực tiếp cho các đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công có khả năng xã hội hóa cao (các trường đại học, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh...); đồng thời thực hiện lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ sự nghiệp công, từng bước tính đủ chi phí theo lộ trình nhằm đáp ứng tối đa các nguồn lực của xã hội tham gia phát triển các dịch vụ sự nghiệp công; chuyển dần đơn vị sự nghiệp tự chủ thấp sang đơn vị tự chủ mức cao hơn, đơn vị hạch toán đầy đủ chuyển sang công ty cổ phần.

- Đổi mới phương thức hoạt động và cơ chế tài chính của các đơn vị cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập, tạo cơ chế cải thiện đời sống công chức, viên chức và người lao động trong các đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp, khuyến khích người tài, người giỏi; xóa bỏ cơ chế độc quyền, tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh.

- Thúc đẩy sự phát triển các hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong các lĩnh vực gắn với đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong quá trình phát triển; nâng cao số lượng và chất lượng dịch vụ sự nghiệp công đáp ứng nhu cầu của xã hội.

- Hoàn thiện công tác quản lý nhà nước, tăng cường công tác kiểm tra, giá sát nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực của nhà nước và của toàn xã hội trong việc cung ứng dịch vụ sự nghiệp công để nâng cao số lượng và chất lượng dịch vụ sự nghiệp công.

5. Tiếp tục tái cơ cấu, đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống thị trường tài chính, bảo hiểm và dịch vụ kế toán, kiểm toán

- Đẩy nhanh tiến trình tái cấu trúc và phát triển thị trường chứng khoán, phục vụ hiệu quả tái cấu trúc nền kinh tế và các cam kết quốc tế. Tiếp tục tái cấu trúc các tổ chức kinh doanh chứng khoán theo hướng nâng cao chất lượng, giảm bớt số lượng, tăng cường quản trị rủi ro.

- Tăng cung hàng hoá cho thị trường chứng khoán và cải thiện chất lượng nguồn cung thông qua việc đẩy mạnh phát hành mới và niêm yết mới, đa dạng hoá các công cụ tài chính để hoàn thiện cấu trúc thị trường. Phối hợp với đơn vị chủ quản để đẩy mạnh cổ phần hóa, đấu giá cổ phần các DNNN nhằm tạo hàng hóa có chất lượng cao cho thị trường.

- Tiếp tục đa dạng hóa các loại hình nhà đầu tư; phát triển hệ thống quỹ đầu tư chứng khoán.

- Thực hiện kết nối các Sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam với các Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài để tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài tiếp cận và giao dịch tại thị trường Việt Nam.

- Thực hiện các giải pháp phát triển thị trường trái phiếu theo lộ trình phát triển thị trường trái phiếu Việt Nam đến năm 2020 với một số giải pháp cơ

bản như: đa dạng hóa sản phẩm trên thị trường sơ cấp; khuyến khích sự tham gia thị trường của các nhà đầu tư nước ngoài, quỹ đầu tư chứng khoán, quỹ hưu trí tự nguyện; phát triển hệ thống các đại lý cấp I để hỗ trợ sự phát triển của cả thị trường sơ cấp và thứ cấp; nghiên cứu cơ chế cho vay trái phiếu đối với các đại lý cấp I; triển khai thanh toán giao dịch trái phiếu qua Ngân hàng Nhà nước nhằm giảm thiểu rủi ro hệ thống thanh toán; hoàn thiện cơ chế, chính sách và triển khai thực hiện Chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện; phát triển dịch vụ xếp hạng tín nhiệm theo quy hoạch phát triển dịch vụ xếp hạng tín nhiệm đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu hoạt động, đánh giá kết quả bước đầu thực hiện Chiến lược phát triển hai ngân hàng chính sách đến năm 2020, đề xuất lộ trình phát triển, nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện cơ chế tín dụng chính sách, phù hợp theo từng giai đoạn phát triển của ngân hàng theo hướng tự chủ, bền vững, tiếp cận dần với chuẩn mực thị trường, giảm hỗ trợ từ NSNN; Rà soát, tổ chức lại, nâng cao hiệu quả hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước; Tiếp tục tổng kết, nghiên cứu hoàn thiện khung khổ pháp lý về hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ.

- Phát triển đa dạng và nâng cao chất lượng các sản phẩm bảo hiểm theo yêu cầu của thị trường. Tiếp tục triển khai Đề án tái cấu trúc doanh nghiệp bảo hiểm Việt nam theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 06/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ để có tiềm lực tài chính lành mạnh, quản trị hiện đại, đủ khả năng cạnh tranh trong quá trình hội nhập; Tăng cường kiểm tra, giám sát mức độ an toàn vốn của doanh nghiệp bảo hiểm; tiếp tục chỉ đạo các doanh nghiệp bảo hiểm tăng vốn để mở rộng quy mô và nâng cao năng lực tài chính; tiếp tục giám sát việc thoái vốn của các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, ngân hàng thương mại có vốn nhà nước chi phối tại các doanh nghiệp bảo hiểm; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc xây dựng và áp dụng các quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ, quy trình nghiệp vụ.

- Thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, giải pháp về phát triển thị trường kế toán, kiểm toán theo Chiến lược kế toán, kiểm toán đến năm 2020.

Hoàn thiện cơ sở thông tin dữ liệu và hệ thống hoá các chỉ tiêu thu thập thông tin, phân tích và xử lý các dữ liệu kinh tế - tài chính vĩ mô. Đẩy mạnh công tác quản lý, giám sát hoạt động, trong đó đặc biệt là hoạt động dịch vụ Kế toán - Kiểm toán; Tăng cường kiểm tra, giám sát thực thi pháp luật của đơn vị cơ sở; nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; tổ chức tốt hệ thống công nghệ thông tin phục vụ quản lý, giám sát hoạt động Kế toán - Kiểm toán. Phát triển đồng bộ thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán, định mức tín nhiệm, tư vấn thẩm định giá, tư vấn thuế, đại lý hải quan,...

- Nâng cao hiệu quả giám sát của Nhà nước đối với hoạt động của thị trường tài chính và dịch vụ tài chính, đảm bảo thị trường vận hành an toàn, lành mạnh, minh bạch, phù hợp với các thông lệ quốc tế. Tăng cường quản lý, giám sát, kiểm soát đối với thị trường, đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực xổ số,

đặt cược, casino, và trò chơi có thưởng; Tiếp tục phát triển sản phẩm xổ số điện toán ra thị trường, đảm bảo thị trường xổ số phát triển lành mạnh, ổn định theo đúng định hướng của Nhà nước.

6. Nâng cao hiệu quả quản lý giá theo cơ chế thị trường

Tiếp tục thực hiện nhất quán nguyên tắc quản lý giá theo cơ chế thị trường, theo dõi sát diễn biến cung cầu, thị trường, giá cả để có phương án điều hành phù hợp. Thực hiện lộ trình giá thị trường có sự quản lý của Nhà nước đối với những hàng hóa quan trọng, thiết yếu; sớm thực hiện cơ chế giá thị trường đối với dịch vụ công, điện, đất đai, xăng, dầu và tài nguyên quan trọng theo lộ trình phù hợp với mục tiêu kiềm chế lạm phát đề ra tại nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội và điều hành NSNN hàng năm của Chính phủ. Tăng cường quản lý thị trường, giá cả. Tôn trọng quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật, đồng thời có các giải pháp hỗ trợ hợp lý đối với người nghèo, người có thu nhập thấp, thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về chủ trương, biện pháp bình ổn giá, kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội để tạo ra sự đồng thuận trong xã hội. Thực hiện công khai, minh bạch trong điều hành đối giá các hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu khác có ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu dùng của người dân, hạn chế tối đa các tác động tăng giá do yếu tố tâm lý, kỳ vọng lạm phát; điều tiết hài hòa lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng, doanh nghiệp và Nhà nước.

7. Rà soát, đẩy mạnh thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa và nâng cao hiệu quả giám sát hoạt động DNNN gắn với việc thực hiện có hiệu quả việc tái cơ cấu DNNN

- Hoàn thiện các cơ chế, hệ thống tiêu chí giám sát tài chính và thực hiện có lộ trình việc xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp nhà nước. Công khai các thông tin cơ bản về doanh nghiệp nhà nước theo luật định nhằm tạo điều kiện cho xã hội giám sát.

- Xây dựng kế hoạch sắp xếp, đổi mới, tái cơ cấu DNNN giai đoạn 2016-2020; tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng tỷ lệ vốn bán ra, sử dụng một phần số tiền thu được cho đầu tư phát triển. Phối hợp với đơn vị chủ quản đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, cổ phần hóa DNNN (bao gồm cả các công ty nông, lâm nghiệp và các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện chuyển thành công ty cổ phần), tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu DNNN đã được phê duyệt, xác định trách nhiệm của người đứng đầu doanh nghiệp.

- Tăng cường giám sát đầu tư, giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả sử dụng vốn nhà nước tại DNNN. Đẩy nhanh việc minh bạch, công khai thông tin về hoạt động của DNNN. Triển khai có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của các Tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý của chủ sở hữu nhà nước, tiếp tục kiện toàn bộ máy, tổ chức thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu theo hướng

phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cấp, ngành và đơn vị có liên quan phù hợp yêu cầu thực tiễn của quá trình sắp xếp, đổi mới DNNN. Thực hiện có hiệu lực, hiệu quả các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước đối với DNNN và vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Tách chức năng của chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước và chức năng quản lý nhà nước, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ chính trị, công ích trong DNNN.

8. Quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài sản công

- Từng bước tổ chức triển khai việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung; hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện nhiệm vụ mua sắm tập trung đối với các tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung của các bộ, ngành, địa phương.

- Tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc rà soát, sắp xếp, mua sắm xe ô tô, xử lý xe ô tô phục vụ công tác chung dôi dư so với tiêu chuẩn, định mức.

- Tổ chức hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện việc xác định giá trị tài sản giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp theo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

- Tăng cường công tác quản lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước, quản lý tài chính đối với đất đai. Tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các chính sách thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước nhằm giải quyết chính sách an sinh xã hội cho người có công với cách mạng, hộ nghèo, hộ khó khăn, thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, bảo đảm nguồn thu cho ngân sách nhà nước, phân đấu nguồn thu từ đất vượt so với dự toán được giao.

- Tiếp tục hiện đại hóa công tác quản lý tài sản công, nâng cấp cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước; xây dựng phương án ứng dụng công nghệ thông tin trong mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung, cập nhật dữ liệu về việc sử dụng tài sản tại các đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết; nghiên cứu thực hiện một số thủ tục hành chính trong quản lý, sử dụng tài sản công trực tuyến.

9. Sử dụng, phát huy hiệu quả nguồn lực dự trữ quốc gia: Tăng cường lực lượng dự trữ nhà nước có cơ cấu danh mục mặt hàng hợp lý, phù hợp. Thực hiện tốt việc quản lý dự trữ của Nhà nước, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn chất lượng, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật; Bảo đảm đáp ứng mục tiêu của dự trữ quốc gia và các nhiệm vụ khác được Thủ tướng Chính phủ giao.

III. NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI, CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP QUỐC TẾ TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH

1. Tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác tài chính quốc tế. Chủ động đề xuất và tích cực tham gia các chương trình hợp tác quốc tế, nghiên cứu, đề xuất các

phương án tham gia ký kết các hiệp định thương mại song phương, đa phương; các hoạt động để nâng cao tiếng nói và vị thế của Việt Nam trên các diễn đàn hợp tác tài chính quốc tế. Từng bước tiếp cận với các thị trường tài chính tiên tiến.

2. Mở rộng đối thoại chính sách và trao đổi kinh nghiệm về tài chính - tiền tệ với các chính phủ và các tổ chức tài chính quốc tế. Đa dạng hóa nội dung, hình thức và các đối tác hợp tác quốc tế, gắn hợp tác quốc tế với yêu cầu hiện đại hóa ngành tài chính. Mở rộng các kênh khai thác và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn hỗ trợ tài chính và kỹ thuật trong lĩnh vực tài chính.

3. Duy trì và tăng cường các biện pháp hợp tác với các cơ quan Hải quan trên thế giới nhằm tạo thuận lợi thương mại và đảm bảo hiệu quả trong việc kiểm soát đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và vận chuyển trái phép hàng cấm, hàng giả và các chất ma túy qua biên giới.

4. Tăng cường rà soát hệ thống pháp luật trong nước về tài chính bảo đảm phù hợp thông lệ quốc tế và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của hệ thống pháp luật về chính sách tài chính, đảm bảo thống nhất, đồng bộ và phù hợp với các thông lệ và cam kết trong khuôn khổ đa biên, khu vực và song phương cũng như điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam. Chủ động xây dựng chính sách hội nhập tài chính hiệu quả, nhất quán trên cơ sở cam kết về mức độ và lộ trình đã đưa ra.

5. Tham gia đàm phán Nghị định thư nâng cấp các Hiệp định đã ký kết, tăng cường thúc đẩy phát triển cộng đồng kinh tế ASEAN về dịch vụ, hàng hóa, hải quan,... Tiếp tục xây dựng phương án và đàm phán các Hiệp định thương mại tự do chưa kết thúc đàm phán để đảm bảo cam kết phù hợp giữa các FTA đã ký kết và có lộ trình hợp lý cho sản xuất trong nước.

6. Hoàn thiện các công cụ phân tích, đánh giá tác động hội nhập; Tăng cường theo dõi, giám sát thực hiện và đánh giá tác động của quá trình hội nhập, đề xuất các giải pháp kịp thời điều chỉnh hợp lý, hạn chế tối đa các tác động tiêu cực.

7. Chủ động nghiên cứu và tham mưu trong giải quyết các vấn đề tranh chấp thương mại, vụ kiện thương mại liên quan đến lĩnh vực tài chính.

8. Đẩy mạnh phối hợp giữa các cơ quan quản lý thuộc Bộ Tài chính với các địa phương và doanh nghiệp trong quá trình hội nhập.

IV. TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC, HIỆU QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TRA, THANH TRA CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH; CHỦ ĐỘNG PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG; THỰC HÀNH TIẾT KIỆM

1. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra chuyên ngành tài chính (cả về số lượng và chất lượng); Tiếp tục nghiên cứu đổi mới nội dung, phương thức, phương pháp tổ chức hoạt động thanh tra, kiểm tra; Tăng cường hiệu lực của hệ thống giám sát nội bộ, vai trò của công tác giám sát từ xa.

2. Hoàn thiện và tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế phối hợp giữa các cơ quan tranh tra, giám sát tài chính với các cơ quan chức năng trong việc xử lý các vấn đề tài chính phát sinh.

3. Nâng cao năng lực hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát sự tuân thủ của người nộp thuế trên cơ sở nghiên cứu đổi mới phương thức thanh tra, kiểm tra và giám sát. Áp dụng phương pháp quản lý rủi ro trong tất cả các khâu của công tác thanh tra, kiểm tra trên cơ sở dữ liệu tập trung về người nộp thuế; tăng cường đổi mới, áp dụng các biện pháp, kỹ năng quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

4. Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin nghiệp vụ hải quan, hệ thống quản lý rủi ro. Chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn bộ hoạt động kiểm tra sau thông quan.

5. Củng cố mạng lưới và hệ thống theo dõi, nắm tình hình, quản lý địa bàn trọng điểm; tăng cường phối hợp, đấu tranh ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới và các vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ, sản xuất, tiêu thụ hàng giả.

6. Tăng cường công tác quản lý thu, thanh tra, kiểm tra; kiểm soát tốt công tác kê khai nộp thuế của các đối tượng, ngăn chặn tình trạng chuyển giá, trốn thuế; đổi mới, áp dụng các biện pháp, kỹ năng quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, giảm tỷ trọng nợ đọng thuế về dưới 5% tổng thu NSNN; tăng cường quản lý trị giá hải quan.

7. Kiểm soát các yếu tố hình thành giá, các phương án giá của các hàng hóa, dịch vụ độc quyền; hàng hóa thuộc danh mục Nhà nước định giá; hàng hóa dịch vụ thuộc diện bình ổn giá; hàng hóa dịch vụ được sử dụng NSNN; hàng hóa dịch vụ công ích; dịch vụ sự nghiệp công; hàng hóa còn được trợ cước, trợ giá phục vụ đồng bào dân tộc, miền núi, hải đảo, hàng hóa thực hiện chính sách xã hội. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra giá để ngăn chặn và kiên quyết xử lý các hành vi tăng giá bất hợp lý, nhất là đối với các nguyên vật liệu quan trọng và các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu; đồng thời để ngăn chặn tình trạng chuyển giá, trốn lậu thuế.

8. Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi) và Chương trình tổng thể thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ; Luật phòng, chống tham nhũng.

V. TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ HIỆN ĐẠI HÓA NGÀNH TÀI CHÍNH

1. Kiểm soát chặt chẽ nội dung thủ tục hành chính; tiếp tục cắt giảm và nâng cao chất lượng thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính; đơn giản hóa và công khai hóa quy trình, thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục liên quan đến người dân, doanh nghiệp. Chú trọng trong lĩnh vực thuế, hải quan, chứng khoán, kho bạc nhà nước.

2. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Tài chính nhằm nâng cao chất lượng các quy định hành chính và giám sát việc thực hiện thủ tục hành chính. Hàng năm, tổ chức đối thoại với doanh nghiệp về chính sách và thủ tục hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính, nhất là các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến doanh nghiệp.

3. Đẩy nhanh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý tài chính; đẩy mạnh phát triển dịch vụ công trực tuyến và có giải pháp khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng; bảo đảm hiệu quả, kịp thời, công khai, minh bạch trong thực thi công vụ, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công.

4. Hiện đại hóa toàn diện công tác quản lý thuế cả về phương pháp quản lý, thủ tục hành chính phù hợp với chuẩn mực quốc tế; ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng thuế điện tử để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế. Giảm thời gian doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính thuế. Quy trình quản lý thuế được chuẩn hóa phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện Việt Nam trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo thống nhất, có tính liên kết cao; xây dựng, triển khai đa dạng các dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế thực hiện thủ tục hành chính thuế, chú trọng cung cấp các dịch vụ hỗ trợ qua hình thức điện tử; cung cấp các dịch vụ tra cứu hoặc trao đổi thông tin điện tử về tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế; khuyến khích, hỗ trợ phát triển các tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế.

5. Tập trung xây dựng hải quan Việt Nam hiện đại, minh bạch, thủ tục hải quan đơn giản, hài hòa đạt chuẩn quốc tế trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu tập trung và áp dụng rộng rãi phương thức quản lý rủi ro. Đơn giản, hài hòa hóa thủ tục hải quan phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế theo hướng loại bỏ các yêu cầu cung cấp thông tin, chứng từ trùng lặp, chồng chéo; phân định rõ thủ tục và các chế độ quản lý hải quan; áp dụng rộng rãi và hiệu quả việc thực hiện thủ tục, kiểm tra, giám sát hải quan bằng phương thức điện tử.

6. Xây dựng Kho bạc nhà nước hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả và phát triển ổn định, vững chắc trên cơ sở cải cách thể chế gắn với hiện đại hóa và phát triển nguồn nhân lực; thực hiện cải cách thủ tục hành chính, phát triển hệ thống công nghệ thông tin theo hướng cung cấp đầy đủ các dịch vụ công trực tuyến của Kho bạc nhà nước; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý kiểm soát thanh toán vốn đầu tư là cơ sở để triển khai thực hiện kiểm soát chi điện tử, từng bước rút ngắn thời gian kiểm soát chi theo Chiến lược phát triển Kho bạc nhà nước đến năm 2020.

7. Hiện đại hóa trong quản lý, giám sát thị trường bảo hiểm, chứng khoán nhằm nâng cao năng lực quản lý, giám sát và góp phần phát triển thị trường bảo hiểm, thị trường chứng khoán đáp ứng yêu cầu hội nhập tài chính trong khu vực và quốc tế.

Phần thứ ba
TỔ CHỨC VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu (*Phụ lục nhiệm vụ và phân công kèm theo*) trong Chương trình hành động này, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và công việc được phân công tại Chương trình hành động và Phụ lục, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ khẩn trương chỉ đạo xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện của đơn vị mình; cụ thể hóa thành các nhiệm vụ theo kế hoạch hàng năm; tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, đề án trình Bộ, trình cơ quan có thẩm quyền trong suốt cả giai đoạn 2017-2021.

2. Tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này. Hàng năm, lồng ghép, đánh giá tình hình thực hiện và báo cáo Bộ (qua Vụ Pháp chế) kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình đề ra và đề xuất sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể trong Chương trình hành động này.

3. Văn phòng Bộ chủ động, tăng cường công tác thông tin, truyền thông về Chương trình hành động trong suốt giai đoạn 2017-2021.

4. Vụ Pháp chế có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Chương trình hành động; phối với các đơn vị định kỳ hàng năm rà soát, báo cáo Bộ trưởng tình hình và kết quả thực hiện; trên cơ sở đó điều chỉnh, bổ sung những nhiệm vụ phát sinh và các biện pháp cần thiết bảo đảm thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình hành động này.

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH**NHIỆM VỤ VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA BỘ TÀI CHÍNH NHIỆM KỲ 2016 - 2021***(Ban hành kèm theo Quyết định số 2823 /QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Sản phẩm	Đơn vị chủ trì	Đơn vị Phối hợp	Tiến độ thực hiện
I	XÂY DỰNG BỘ MÁY TINH GỌN, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ; ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐỦ NĂNG LỰC, CÁN, KIỂM, LIÊM CHÍNH				
1.	Kiện toàn tổ chức bộ máy	Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính	Vụ TCCB	Các đơn vị thuộc Bộ	Quý I/2017
		Quyết định của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Bộ Tài chính	Vụ TCCB	Các đơn vị thuộc Bộ	Năm 2017
		Đề án “Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”	Vụ TCCB	Các đơn vị thuộc Bộ	Năm 2017
2.	Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức ngành Tài chính theo hướng “Chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu quả”:	Quyết định của Bộ trưởng Bộ tài chính phê duyệt Đề án	Vụ TCCB	Các đơn vị thuộc Bộ	Năm 2017
3.	Nghiên cứu đổi mới quản lý trong tuyển dụng, đào tạo, đào tạo lại, sử dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân phiên, luân chuyển cán bộ, công chức	Sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết của Ban Cán sự Đảng và quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Vụ TCCB	Các đơn vị thuộc Bộ	Năm 2017

4.	Triển khai thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các chủ trương, chính sách, các giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tập trung vào các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực.	Sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết của Ban Cán sự Đảng và quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Thanh tra Bộ	Các đơn vị thuộc Bộ	Năm 2017
5.	Làm tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.	Kết quả xử lý khiếu nại, tố cáo	Thanh tra Bộ	Các đơn vị thuộc Bộ	2017 - 2021
II	TẬP TRUNG THỰC HIỆN TỐT CÁC GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THÀNH THẮNG LỢI CÁC MỤC TIÊU TÀI CHÍNH, NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NHIỆM KỲ 2016 – 2021				
1	Hoàn thiện bộ thống pháp luật về tài chính				
1.1.	Tập trung chỉ đạo xây dựng và nghiên cứu các đề án, cơ chế chính sách trọng tâm, đảm bảo hoàn thành đúng thời hạn với chất lượng tốt; hoàn chỉnh các đề án theo Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội giai đoạn 2016-2020.	Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trung hạn, hàng năm	Vụ PC	Các đơn vị thuộc Bộ	Hàng năm
1.2.	Nghiên cứu, hoàn thiện thể chế, chính sách về thu				
1.2.1.(1)	Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Luật thuế giá trị gia tăng	Tổng kết và đề xuất chính sách	Vụ CST	Các đơn vị thuộc Bộ	2017
		Dự thảo Luật			2018
1.2.1.(2)	Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Luật thuế tiêu thụ đặc biệt	Tổng kết và đề xuất chính sách	Vụ CST	Các đơn vị thuộc Bộ	2017
		Dự thảo Luật			2018

1.2.1.(3)	Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện chính sách thuế xuất khẩu (XK), thuế nhập khẩu (NK)	Ban hành các Nghị định về biểu thuế XK, biểu thuế NK ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế NK ngoài hạn ngạch thuế quan	Vụ CST	TCHQ, HTQT và các đơn vị liên quan	2017-2020
		Ban hành các Nghị định biểu thuế NK ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định thương mại tự do	Vụ HTQT	TCHQ, Vụ CST và các đơn vị liên quan	2017-2020
1.2.1.(4)	Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	Nghị định quy định chi tiết Nghị quyết của QH về một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn	Vụ CST	TCT, PC và các đơn vị liên quan	2017
		Tổng kết và đề xuất chính sách			2017
		Dự thảo Luật			2018
1.2.1.(5)	Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Luật thuế thu nhập cá nhân	Tổng kết và đề xuất chính sách	Vụ CST	Các đơn vị thuộc Bộ	2018
		Dự thảo Luật			2019
1.2.1.(6)	Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Luật thuế tài nguyên	- Báo cáo rà soát Luật thuế tài nguyên với các Luật liên quan (như Luật Dầu khí, Luật Tài nguyên nước, Luật khoáng sản ...)	Vụ Pháp chế	TCT, Vụ CST và các đơn vị liên quan	2018
		Tổng kết và đề xuất chính sách	Vụ CST	Các đơn vị thuộc Bộ	2018
		Dự thảo Luật			2019

1.2.1.(7)	Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp và chính sách thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	Báo cáo tổng kết, đánh giá thi hành Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp và các Nghị quyết của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp	TCT	CST, PC và các đơn vị liên quan	2020
		Báo cáo tổng kết, đánh giá thi hành Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	TCT	CST, các đơn vị liên quan	2017
		Đề xuất ban hành Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (sửa đổi)	Vụ CST	TCT, PC và các đơn vị liên quan	2018
		Dự thảo Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (sửa đổi)			2019
1.2.1.(8)	Nghiên cứu, xây dựng Luật Thuế tài sản	Đề xuất chính sách trong Luật thuế tài sản	Vụ CST	TCT, PC và các đơn vị liên quan	2018
		Dự thảo Luật thuế tài sản			2019
1.2.1.(9)	Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Luật thuế bảo vệ môi trường	Tổng kết và đề xuất chính sách	Vụ CST	Các đơn vị thuộc Bộ	2017
		Dự thảo Luật			2018
1.2.1.(10)	Nghiên cứu xây dựng hoặc sửa đổi, bổ sung chính sách thu ngân sách nhà nước liên quan đến hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên đảm bảo thống nhất, phù hợp với Luật Dầu khí, Luật Tài nguyên nước, Luật Khoáng sản, Luật Bảo vệ và phát triển rừng...	Quyết định phê duyệt Đề án và tổ chức thực hiện	Cục TCDN	Các đơn vị thuộc Bộ	2017
1.2.1.(11)	Nghiên cứu xây dựng hoặc sửa đổi, bổ sung chính sách đối với các khoản thu từ đất	Quyết định phê duyệt Đề án và tổ chức thực hiện	Cục QLCS	Các đơn vị thuộc Bộ	2018

1.2.1.(12)	Triển khai thực hiện Luật phí và lệ phí và hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành Luật phí, lệ phí; Tổng kết, đánh giá thi hành Luật phí, lệ phí	Đề xuất và ban hành các Nghị định (sửa đổi, bổ sung) hướng dẫn Luật	Vụ CST	Các đơn vị thuộc Bộ	2019-2020
		Báo cáo tổng kết, đánh giá thi hành Luật phí, lệ phí	Vụ PC	Các đơn vị thuộc Bộ	2020
1.2.1.(13)	Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế	Báo cáo tổng kết, đánh giá thi hành Luật Quản lý thuế	Vụ PC	Các đơn vị thuộc Bộ	2017
		Đề xuất chính sách	TCT	Các đơn vị thuộc Bộ	2017
		Dự thảo Luật			2018
1.2.1.(14)	Nghiên cứu, hoàn thiện chính sách về quản lý ngân sách theo hướng an toàn và có hiệu quả; Chỉ ban hành các chính sách làm tăng chi NSNN khi thật sự cần thiết và có nguồn kinh phí đảm bảo; Gắn kết quản lý quỹ NSNN với quy trình quản lý từ khâu lập dự toán phân bổ, chấp hành, kế toán, kiểm toán và quyết toán ngân sách.	- Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt ngân sách nhà nước trung hạn - Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt ngân sách nhà nước hàng năm	Vụ NSNN	Các đơn vị thuộc Bộ	Hàng năm
		Dự thảo các Nghị định về ngân sách (sửa đổi, bổ sung)	Vụ NSNN	Các đơn vị thuộc Bộ	2017
1.2.1.(15)	Hoàn thiện cơ chế, quy trình quản lý, kiểm soát, thanh toán các khoản chi NSNN qua Kho bạc nhà nước.	Dự thảo Nghị định về quản lý ngân quỹ (sửa đổi, bổ sung)	KBNN	Các đơn vị thuộc Bộ	2017-2018
1.2.1.(16)	Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật quản lý nợ công	Tổng kết và đề xuất chính sách	Cục QLN	Các đơn vị thuộc Bộ	2017
		Dự thảo Luật			2017-2018
1.2.1.(17)	Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công và phân loại danh mục dịch vụ sự nghiệp công	Sửa đổi, bổ sung các Nghị định và Thông tư	Vụ HCSN	Các đơn vị thuộc Bộ	2017-2018

1.2.1.(18)	Hoàn thiện khung khổ pháp lý đối với hoạt động của các ngân hàng chính sách theo hướng tín dụng chính sách phải phù hợp với nguồn lực tài chính Nhà nước.	Sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới NHPT và Ngân hàng chính sách xã hội	Vụ TCNH	Các đơn vị thuộc Bộ	2017
1.2.1.(19)	Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Luật chứng khoán	Tổng kết và đề xuất chính sách	UBCK	Các đơn vị thuộc Bộ	2017
		Dự thảo Luật			2018
1.2.1.(20)	Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Luật kinh doanh bảo hiểm	Tổng kết và đề xuất chính sách	Cục QLGSBH	Các đơn vị thuộc Bộ	2019
		Dự thảo Luật			2020
1.2.1.(21)	Nghiên cứu, xây dựng Luật trò chơi có thưởng	Đề xuất ban hành Luật	Vụ TCNH	Các đơn vị thuộc Bộ	2019
		Dự thảo Luật			2020
1.2.1.(22)	Tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về kế toán, kiểm toán.	Các Nghị định của Chính Phủ và Thông tư của Bộ Tài chính	Vụ CĐKTKT	Các đơn vị thuộc Bộ	2017-2020
1.2.1.(23)	Sửa đổi, hoàn thiện hệ thống pháp luật tài chính đối với doanh nghiệp	Đề án được duyệt và tổ chức thực hiện	Cục TCDN	Các đơn vị thuộc Bộ	2017
1.2.1.(24)	Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đối với DNNN	Các Nghị định của Chính Phủ và Thông tư của Bộ Tài chính	Cục TCDN	Các đơn vị thuộc Bộ	2017 - 2018
1.2.1.(25)	Nghiên cứu, sửa đổi bổ sung Luật quản lý, sử dụng tài sản công	Dự thảo Luật quản lý, sử dụng tài sản công (thay thế)	Cục QLCS	Các đơn vị thuộc Bộ	2017

1.2.1.(26)	Nghiên cứu, sửa đổi bổ sung Luật dự trữ nhà nước	Tổng kết và đề xuất chính sách	Tổng cục dự trữ nhà nước	Các đơn vị thuộc Bộ	2019
		Dự thảo Luật			2020
2	Đẩy mạnh tái cấu trúc và đảm bảo cân đối ngân sách nhà nước				
2.1	Phân bổ ngân sách nhà nước	Kết quả điều hành ngân sách trung hạn và hàng năm	Vụ NSNN	Vụ HCSN, Vụ DT, Vụ I, KBNN và các đơn vị thuộc Bộ	Hàng năm và giai đoạn 2017-2021
2.2	Cơ cấu lại chi thường xuyên	Kết quả điều hành chi thường xuyên ngân sách trung hạn và hàng năm	Vụ HCSN, Vụ I	Vụ NSNN, KBNN và các đơn vị thuộc Bộ	Hàng năm và giai đoạn 2017-2021
2.3	Cơ cấu lại chi đầu tư	Kết quả điều hành chi đầu tư ngân sách trung hạn và hàng năm	Vụ DT, Vụ I	Vụ NSNN, KBNN và các đơn vị thuộc Bộ	Hàng năm và giai đoạn 2017-2021
3	Tăng cường quản lý và cơ cấu lại nợ công	Kết quả điều hành nợ công trung hạn và hàng năm	Cục QLN	Vụ NSNN, KBNN và các đơn vị thuộc Bộ	Hàng năm và giai đoạn 2017-2021

4	Đẩy mạnh đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công	Kết quả điều hành trung hạn và hàng năm	Vụ HCSN	Vụ NSNN, KBNN và các đơn vị thuộc Bộ	Hàng năm và giai đoạn 2017-2021
5	Tiếp tục tái cơ cấu, đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống thị trường tài chính, bảo hiểm và dịch vụ kế toán, kiểm toán	Kết quả điều hành trung hạn và hàng năm	UBCK, Cục QLGSBH, Vụ TCNH, Vụ CĐKT	Các đơn vị liên quan	Hàng năm và giai đoạn 2017-2021
6	Nâng cao hiệu quả quản lý giá theo cơ chế thị trường	Kết quả điều hành trung hạn và hàng năm	Cục QLG	Các đơn vị liên quan	Hàng năm và giai đoạn 2017-2021
7	Rà soát, đẩy mạnh thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa và nâng cao hiệu quả giám sát hoạt động DNNN	Kết quả điều hành trung hạn và hàng năm	Cục TCDN	Các đơn vị liên quan	Hàng năm và giai đoạn 2017-2021
8	Quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài sản công	Kết quả điều hành trung hạn và hàng năm	Cục QLCS	Các đơn vị liên quan	Hàng năm và giai đoạn 2017-2021
		Đề án hoàn thiện cơ chế tài chính về cấp ủy quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên			2018

		Đề án hoàn thiện cơ chế tài chính về đất đai	Cục QLCS	Các đơn vị liên quan	2019
		Đề án hoàn thiện cơ chế tài chính về cấp quyền sử dụng khu vực biển khi giao khu vực biển cho tổ chức, cá nhân khai thác sử dụng tài nguyên biển			2019
9	Sử dụng, phát huy hiệu quả nguồn lực dự trữ quốc gia	Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch 5 năm về dự trữ quốc gia (2021-2025)	Tổng cục Dự trữ	Các đơn vị liên quan	2019
		Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia đến năm 2030 định hướng đến 2040	Tổng cục Dự trữ	Các đơn vị liên quan	2018
		Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia đến năm 2020			2019
		Kết quả điều hành trung hạn và hằng năm			Hàng năm và giai đoạn 2017-2021

III	NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI, CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP QUỐC TẾ TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH				
1	Chủ động đề xuất và tích cực tham gia các chương trình hợp tác quốc tế, nghiên cứu, đề xuất các phương án tham gia ký kết các hiệp định thương mại song phương, đa phương; các hoạt động để nâng cao tiếng nói và vị thế của Việt Nam trên các diễn đàn hợp tác tài chính quốc tế.	Kết quả điều hành trung hạn và hàng năm	Vụ HTQT	Các đơn vị liên quan	Hàng năm và giai đoạn 2017-2021
2	Mở rộng đối thoại chính sách và trao đổi kinh nghiệm về tài chính - tiền tệ với các chính phủ và các tổ chức tài chính quốc tế. Đa dạng hóa nội dung, hình thức và các đối tác hợp tác quốc tế, gắn hợp tác quốc tế với yêu cầu hiện đại hóa ngành tài chính. Mở rộng các kênh khai thác và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn hỗ trợ tài chính và kỹ thuật trong lĩnh vực tài chính.	Kết quả điều hành trung hạn và hàng năm	Vụ HTQT	Các đơn vị liên quan	Hàng năm và giai đoạn 2017-2021
3	Duy trì và tăng cường các biện pháp hợp tác với các cơ quan Hải quan trên thế giới nhằm tạo thuận lợi thương mại và đảm bảo hiệu quả trong việc kiểm soát đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và vận chuyển trái phép hàng cấm, hàng giả và các chất ma túy qua biên giới.	Kết quả điều hành trung hạn và hàng năm	TCHQ	Các đơn vị liên quan	Hàng năm và giai đoạn 2017-2021

		Hiệp định cấp Chính phủ giữa Việt Nam và Hà Lan về hợp tác và hỗ trợ hành chính trong lĩnh vực hải quan	TCHQ	Các đơn vị liên quan	2017
		Hiệp định cấp Chính phủ giữa Việt Nam và Hợp chúng quốc Hoa Kỳ về hợp tác và hỗ trợ hành chính trong lĩnh vực hải quan			2017
		Hiệp định cấp Chính phủ giữa Việt Nam và Mê-xi-cô về hợp tác và hỗ trợ hành chính trong lĩnh vực hải quan			2018
		Hiệp định cấp Chính phủ giữa Việt Nam và Canada về hợp tác và hỗ trợ hành chính trong lĩnh vực hải quan			2019
4	Tăng cường rà soát hệ thống pháp luật trong nước về tài chính bảo đảm phù hợp thông lệ quốc tế và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên	Báo cáo kết quả rà soát	Vụ PC	Vụ HTQT và các đơn vị liên quan	2017
5	Tham gia đàm phán Nghị định thư nâng cấp các Hiệp định đã ký kết. Tiếp tục xây dựng phương án và đàm phán các Hiệp định thương mại tự do chưa kết thúc đàm phán.	Báo cáo kết quả thực hiện	Vụ HTQT	Vụ PC và các đơn vị liên quan	2017-2012
6	Hoàn thiện các công cụ phân tích, đánh giá tác động hội nhập; Tăng cường theo dõi, giám sát thực hiện và đánh giá tác động của quá trình hội nhập, đề xuất các giải pháp kịp thời điều chỉnh hợp lý, hạn chế tối đa các tác động tiêu cực.	Báo cáo đánh giá tác động	Vụ HTQT	Vụ PC và các đơn vị liên quan	2017-2021

7	Chủ động nghiên cứu và tham mưu trong giải quyết các vấn đề tranh chấp thương mại, vụ kiện thương mại liên quan đến lĩnh vực tài chính.	Kết quả giải quyết các vụ tranh chấp thương mại, vụ kiện thương mại liên quan đến lĩnh vực tài chính	Vụ PC	Các đơn vị liên quan	2017-2021
8	Đẩy mạnh phối hợp giữa các cơ quan quản lý thuộc Bộ Tài chính với các địa phương và doanh nghiệp trong quá trình hội nhập.	Báo cáo kết quả thực hiện	Vụ HTQT	Vụ PC và các đơn vị liên quan	2017-2021
IV	TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC, HIỆU QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TRA, THANH TRA CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH; CHỦ ĐỘNG PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG; THỰC HÀNH TIẾT KIỆM:				
1	Tăng cường số lượng, chất lượng công tác kiểm tra, thanh tra chuyên ngành tài chính; Tiếp tục nghiên cứu đổi mới nội dung, phương thức, phương pháp tổ chức hoạt động thanh tra, kiểm tra. Tăng cường hiệu lực của hệ thống giám sát nội bộ, vai trò của công tác giám sát từ xa.	Kết quả thanh tra, kiểm tra hàng năm	Thanh tra Bộ, TCT, TCHQ, KBNN, TCDTNN, UBCK	Các đơn vị liên quan	Hàng năm
2	Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan tranh tra, giám sát tài chính với các cơ quan chức năng trong việc xử lý các vấn đề tài chính phát sinh.	Quy chế phối hợp xử lý các vấn đề tài chính phát sinh	Thanh tra Bộ	Các đơn vị liên quan	2018

3	Nâng cao năng lực hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát sự tuân thủ của người nộp thuế trên cơ sở nghiên cứu đổi mới phương thức thanh tra, kiểm tra và giám sát. Áp dụng phương pháp quản lý rủi ro trong tất cả các khâu của công tác thanh tra, kiểm tra trên cơ sở dữ liệu tập trung về người nộp thuế; tăng cường đổi mới, áp dụng các biện pháp, kỹ năng quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.	- Cơ sở dữ liệu người nộp thuế - Quy trình thanh tra, kiểm tra thuế - Quy trình quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế	TCT, TCHQ	Các đơn vị liên quan	2017-2018
4	Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin nghiệp vụ hải quan, hệ thống quản lý rủi ro. Chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn bộ hoạt động kiểm tra sau thông quan.	- Cơ sở dữ liệu thông tin nghiệp vụ hải quan - Chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan	TCHQ	Các đơn vị liên quan	2017-2021
5	Củng cố mạng lưới và hệ thống theo dõi, nắm tình hình, quản lý địa bàn trọng điểm; tăng cường phối hợp, đấu tranh ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới và các vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ, sản xuất, tiêu thụ hàng giả.	Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm	TCHQ, TCT	Các đơn vị liên quan	Hàng năm

6	Tăng cường công tác quản lý thu, thanh tra, kiểm tra; kiểm soát tốt công tác kê khai nộp thuế của các đối tượng, ngăn chặn tình trạng chuyển giá, trốn lậu thuế; đổi mới, áp dụng các biện pháp, kỹ năng quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, giảm tỷ trọng nợ đọng thuế về dưới 5% tổng thu NSNN; tăng cường quản lý trị giá hải quan.	Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm	TCHQ, TCT	Các đơn vị liên quan	Hàng năm
7	Kiểm soát các yếu tố hình thành giá, các phương án giá của các hàng hóa, dịch vụ độc quyền. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra giá.	Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm	Cục QLG	Các đơn vị liên quan	Hàng năm
8	Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi) và Chương trình tổng thể thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ; Luật phòng, chống tham nhũng.	Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm	Thanh tra Bộ	Các đơn vị liên quan	Hàng năm
V	TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ HIỆN ĐẠI HÓA NGÀNH TÀI CHÍNH				
1	Kiểm soát chặt chẽ nội dung thủ tục hành chính; tiếp tục cắt giảm và nâng cao chất lượng thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính; đơn giản hóa và công khai hóa quy trình, thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục liên quan đến người dân, doanh nghiệp. Chú trọng trong lĩnh vực thuế, hải quan, chứng khoán, kho bạc nhà nước.	Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm	Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính	Các đơn vị liên quan	Hàng năm

2	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ. Hàng năm, tổ chức đối thoại với doanh nghiệp về chính sách và thủ tục hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.	Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm	Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính	Các đơn vị liên quan	Hàng năm
3	Đẩy nhanh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý tài chính; đẩy mạnh phát triển dịch vụ công trực tuyến và có giải pháp khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng; bảo đảm hiệu quả, kịp thời, công khai, minh bạch trong thực thi công vụ, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công.	- Đề án chung của Bộ Tài chính - Đề án riêng của các Tổng cục	Cục THTKTC TCT, TCHQ, KBNN, TCDTNN, UBCK	Các đơn vị liên quan	2018

4	Hiện đại hóa toàn diện công tác quản lý thuế cả về phương pháp quản lý, thủ tục hành chính theo định hướng chuẩn mực quốc tế; ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng thuế điện tử để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế. Giảm thời gian doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính thuế. Quy trình quản lý thuế được chuẩn hóa phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện Việt Nam trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo thống nhất, có tính liên kết cao; xây dựng, triển khai đa dạng các dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế thực hiện thủ tục hành chính thuế, chú trọng cung cấp các dịch vụ hỗ trợ qua hình thức điện tử; cung cấp các dịch vụ tra cứu hoặc trao đổi thông tin điện tử về tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế; khuyến khích, hỗ trợ phát triển các tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế.	Kết quả thực hiện cụ thể trong từng lĩnh vực	TCT	Các đơn vị liên quan	2017 - 2018
---	--	---	------------	-----------------------------	--------------------

5	Tập trung xây dựng hải quan Việt Nam hiện đại, minh bạch, thủ tục hải quan đơn giản, hài hòa đạt chuẩn quốc tế trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu tập trung và áp dụng rộng rãi phương thức quản lý rủi ro. Đơn giản, hài hòa hóa thủ tục hải quan phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế theo hướng loại bỏ các yêu cầu cung cấp thông tin, chứng từ trùng lặp, chồng chéo; phân định rõ thủ tục và các chế độ quản lý hải quan; áp dụng rộng rãi và hiệu quả việc thực hiện thủ tục, kiểm tra, giám sát hải quan bằng phương thức điện tử.	Kết quả thực hiện cụ thể trong từng lĩnh vực	TCHQ	Các đơn vị liên quan	2017 - 2018
6	Xây dựng Kho bạc nhà nước hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả và phát triển ổn định, vững chắc trên cơ sở cải cách thể chế chính sách gắn với hiện đại hóa và phát triển nguồn nhân lực; thực hiện cải cách thủ tục hành chính, phát triển hệ thống công nghệ thông tin theo hướng cung cấp đầy đủ các dịch vụ công trực tuyến của Kho bạc nhà nước.	Kết quả thực hiện cụ thể trong từng lĩnh vực	KBNN	Các đơn vị liên quan	2017 - 2018
7	Hiện đại hóa trong quản lý, giám sát thị trường bảo hiểm, chứng khoán nhằm nâng cao năng lực quản lý, giám sát và góp phần phát triển thị trường bảo hiểm, thị trường chứng khoán đáp ứng yêu cầu hội nhập tài chính trong khu vực và quốc tế.	Kết quả thực hiện cụ thể trong từng lĩnh vực	Cục QLGSBH, UBCK	Các đơn vị liên quan	2017 - 2018

BỘ TÀI CHÍNH